

# HỢP TÁC TRONG TAM GIÁC PHÁT TRIỂN

## *Giải pháp quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên trong tình hình mới*

TS. HOÀNG NGỌC PHONG \*

Tam giác phát triển khu vực biên giới ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia gồm lãnh thổ của 8 tỉnh là Kon Tum, Gia Lai, Đắc Nông, Đắc Lắc (Việt Nam), Sekong, Attapu (Lào) và Stung Treng, Rattanakiri (Campuchia). Tổng diện tích tự nhiên là 85648,71 km<sup>2</sup>, dân số năm 2002 khoảng 3.717 nghìn người (mật độ dân số 44 người/km<sup>2</sup>); trong đó vùng 4 tỉnh thuộc Tây Nguyên của Việt Nam có diện tích tự nhiên 44644,7 km<sup>2</sup>, chiếm 52,3% diện tích tự nhiên toàn khu vực; dân số năm 2004 khoảng 3,4 triệu người (chiếm 89,5%), mật độ dân số 75 người/km<sup>2</sup>.

### TƯ PHÁT TRIỂN TỰ DUY ĐẾN HÀNH ĐỘNG CỤ THỂ

Ngay từ những năm 1992, trong 6 quốc gia thuộc lưu vực sông Mê Kông là Việt Nam, Lào, Campuchia, Trung Quốc, Miama và Thái Lan (GMS) đã tổ chức nhiều hội nghị về hợp tác kinh tế khai thác tiểu vùng Mê Kông. Kết quả là, nhiều tiểu vùng kinh tế đã được thiết lập ở châu Á. Các hình thái mới của quan hệ hợp tác kinh tế đã phương xuất hiện và Tam giác phát triển (còn gọi là Tam giác tăng trưởng) là một trong những loại hình thái này.

Các Tam giác phát triển (TGPT) có xu hướng được hình thành giữa các vùng tiếp giáp quốc gia và trong nhiều trường hợp đó là các vùng lãnh thổ kém phát triển nhất. Hiện nay trong Khu vực Đông Nam Á đã hình thành và đi vào hoạt động một số TGPT mà điển hình là TGPT Indonesia - Malaysia - Singapore, Indonesia - Malaysia - Thái Lan, vùng lãnh thổ phát triển Brunei - Indonesia - Malaysia - Phillipines... Ngoài ra, ý tưởng xây dựng Tam giác "Ngọc Bích" ở khu vực biên giới ba nước Campuchia - Lào - Thái Lan cũng đã

được đề cập và bước đầu đã có những nghiên cứu tiền khả thi.

Tại cuộc gặp giữa Thủ tướng của ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia năm 1999 tại Viêng Chăn, ý tưởng về một TGPT khu vực biên giới ba nước, bao gồm một số tỉnh Đông Bắc Campuchia, Tây Nam Lào và Tây Nguyên Việt Nam đã được hình thành.

Tại cuộc gặp mặt lần thứ hai của ba Thủ tướng tại thành phố Hồ Chí Minh đầu năm 2002, quyết tâm xây dựng TGPT tại khu vực biên giới ba nước đã được khẳng định và là một trong những nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong việc hợp tác phát triển giữa ba nước. Các bên đã thống nhất giao cho phía Việt Nam xây dựng qui hoạch phát triển kinh tế - xã hội khu vực biên giới ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia - Tam giác phát triển 3 nước (sau đây gọi tắt là TGPT).

### **DẤU DIỄM NỔI BẬT CỦA TGPT 3 NƯỚC**

TGPT có vị trí chiến lược đối với cả ba nước về chính trị, kinh tế, xã hội và môi trường sinh thái. Thông qua các hành lang kinh tế dọc theo các trục quốc lộ 78 (của Campuchia) và 18, 16 (của Lào) qua các quốc lộ 14, 19, 24, 49 (của Việt Nam) nối toàn bộ khu vực này với các cảng biển của Việt Nam.

Đồng thời qua trục quốc lộ 7 (của Campuchia) và 13 (của Lào) nối khu vực này với Phnông Pênh và Viêng Chăn; qua các trục quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh nối khu vực này với Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh,... Đây là một trong những điều kiện thuận lợi để ba nước mở rộng giao lưu liên kết phát triển kinh tế - xã hội.

TGPT là vùng cao nguyên rộng lớn, nhiều tiềm năng chưa được khai thác, nơi cư trú của đồng bào dân tộc ít người. Tiềm năng về nguồn nước và thuỷ điện tương đối dồi dào. Nơi đây là đầu nguồn của hai hệ sông chính là: hệ thống sông Mekong và hệ thống sông đổ ra biển Đông (sông Ba và sông Đồng Nai), nên có ảnh hưởng trực tiếp đến các vùng hạ lưu của Việt Nam, Lào và Campuchia, có vị trí rất quan trọng về môi trường sinh thái.

TGPT là vùng có tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng, đặc biệt là diện tích đất bazan rất lớn và đất rừng lớn (chiếm khoảng 2/3 diện tích tự nhiên). TGPT có diện tích rừng tự nhiên lớn nhất của mỗi quốc gia (chiếm khoảng 2/3 diện tích tự nhiên) với nhiều loại gỗ quý, hệ thực vật, động vật phong phú đa dạng và là khu vực tập trung nhiều khu bảo tồn thiên nhiên như Yokdon (Việt Nam), Sesup,

\* Phó Viện trưởng Viện Chiến lược phát triển - Bộ KH&ĐT

Amđongphan, Sepian (Lào), Veunxai, Lumpát, Phu Nôm Nậm Lơ (Cămpuchia).

Tiềm năng khoáng sản đa dạng với các mỏ nhôm, mỏ vàng, đá quý. Trên địa bàn 3 tỉnh Tây Nguyên có tới trên 200 mỏ và điểm quặng. Đáng kể nhất là Bôxit có trữ lượng quặng nguyên là 305 tỷ tấn, quặng tinh là 1,5 tỷ tấn. Vàng có tới 21 điểm với trữ lượng 8,82 tấn vàng gốc và 465 tấn vàng quặng phân bố rải rác ở cả 3 tỉnh. Đá quý có ở ĐăkMin, Chư Sê, Pleiku, Đăk Me, Đăk Hia với nhiều loại đá các màu xanh ngọc, xanh lục, xanh opal, nâu, trắng, vàng, xám đen... Tài nguyên khoáng sản ở vùng Nam Lào chưa có điều tra đánh giá đầy đủ, các khoáng sản chính gồm quặng đồng, thiếc, vàng, đá quý (Attapu); than đá, vàng... Tài nguyên khoáng sản ở 2 tỉnh Rattanakiri và Stung Treng gồm có vàng, lưu huỳnh, đồng, ma giê, các loại đá quý.

**Khó khăn trở ngại lớn nhất đối với phát triển của khu vực TGPT là sự phân bố không đều về nguồn nước.** Diện tích rừng ngày càng bị thu hẹp, hạn hán kéo dài và môi trường sinh thái đang bị đe dọa nghiêm trọng. Diện tích đất trống đổi núi trọc đang có xu hướng tăng lên, bị thoái hóa, xói mòn rửa trôi. Kinh tế của khu vực phát triển còn chậm, không bền vững và mất cân đối, chưa khai thác có hiệu quả tiềm năng thế mạnh của từng vùng. Một bộ phận lớn nông dân là đồng bào dân tộc, nhất là vùng sâu vùng xa, vùng biên giới có trình độ dân trí thấp, đời sống còn gặp nhiều khó khăn.

Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội tuy đã được chú trọng đầu tư nhưng vẫn còn nhiều bất cập trước yêu cầu phát triển nhanh của nền kinh tế, nhất là vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người.

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỢP TÁC TRONG TGPT

**Quan điểm chung về hợp tác là:**

(1). Tiếp tục đẩy mạnh giao lưu hợp tác kinh tế ba nước qua các cửa



Cao su, cây công nghiệp thế mạnh của các tỉnh Tây Nguyên

khẩu. Coi đây là một bộ phận quan trọng của kinh tế đối ngoại nhằm tiếp tục thực hiện nhất quán và lâu dài các chính sách của Nhà nước về kinh tế mở, tạo điều kiện thúc đẩy tiến trình CNH, HDH đất nước.

(2). Tạo ra những điều kiện cho các địa phương tuyến biên giới hai nước phát triển trên cơ sở khai thác tiềm năng, thế mạnh của mình. Hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý vùng biên giới ba nước. Xây dựng vành đai kinh tế - xã hội với các khu kinh tế vùng biên giới vững chắc, có thể và lực đủ sức cạnh tranh trên thị trường, góp phần tích cực để khu vực biên giới ba nước này hội nhập với thế giới và khu vực.

(3). Đẩy nhanh hoạt động xuất khẩu, du lịch và dịch vụ. Xây dựng chiến lược giao lưu và hợp tác kinh tế lâu dài, ổn định trên cơ sở chú ý tới đặc thù riêng để có đối sách thích hợp.

(4). Khuyến khích buôn bán qua biên giới với những quy định phù hợp. Củng cố các cụm buôn bán qua biên giới đã có và hướng hoạt động buôn bán theo hướng có lợi, vừa làm dịch vụ 2 chiều (thu mua sản phẩm và xuất khẩu hàng hoá), vừa tạo thế cân bằng trong buôn bán qua biên giới, hạn chế các hiện tượng tiêu cực, đặc biệt là tình trạng buôn lậu, trốn thuế.

(5). Hợp tác bảo vệ môi trường sinh thái, nguồn nước, động thực vật

hoang dã quý hiếm và đa dạng sinh học trong TGPT ba nước.

(6). Tăng cường cảnh giác, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo chủ quyền, trật tự an ninh, an toàn xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc của hai nước. Có kế hoạch từng bước xây dựng "vành đai kinh tế - xã hội" nhằm tạo ra vùng biên giới hai nước "hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển".

## Các lĩnh vực hợp tác phát triển đến năm 2010.

Từ quan điểm hợp tác giữa các tỉnh khu vực biên giới 3 nước Việt Nam - Lào - Cămpuchia, việc hợp tác có thể diễn ra trên các lĩnh vực:

**Thứ nhất,** nghiên cứu điều tra cơ bản, tiến hành quy hoạch phát triển các ngành, các tỉnh trong khu vực biên giới ba nước;

**Thứ hai,** hợp tác trong phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng: Kết nối mạng lưới giao thông giữa các tỉnh trong vùng, nối vùng với các vùng khác của mỗi nước; phát triển thuỷ điện vừa và nhỏ; xây dựng hệ thống cấp điện thống nhất; sử dụng hiệu quả nguồn nước; phát triển bưu chính viễn thông cơ bản bảo đảm thông tin liên lạc trong khu vực. Trước mắt cần củng cố phát triển mạng thông tin công cộng quốc gia đến từng cặp cửa khẩu, tất cả các cụm xã biên giới, đảm bảo thông tin thông suốt.

**Thứ ba,** hợp tác phát triển giáo dục phổ thông và đào tạo lao động kỹ

thuật. Với khả năng của mình, các tỉnh Tây Nguyên có thể tạo điều kiện giúp đỡ tỉnh bạn đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của mỗi tỉnh.

**Thứ tư, hợp tác phát triển nông - lâm nghiệp:** Với kinh nghiệm sẵn có về sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là canh tác các loại cây công nghiệp dài ngày, doanh nghiệp Việt Nam có nhiều điều kiện thuận lợi để tham gia hợp tác sản xuất, chế biến và xuất khẩu các mặt hàng nông sản bằng nhiều hình thức như liên doanh, thuê đất sản xuất, hoặc hợp tác chuyển giao công nghệ... Các loại cây trồng có thể phát triển với quy mô thương mại là cao su, điều, cà phê, mía và một số loại cây ngắn ngày khác. Chăn nuôi cũng là một ngành kinh tế có thể hợp tác phát triển mạnh, đặc biệt là chăn nuôi đại gia súc dưới tán rừng.

Hợp tác kinh doanh tổng hợp nghề rừng bao gồm khai thác, chế biến, trồng mới là những lĩnh vực mà hiện nay các đối tác phía Việt Nam đã có nhiều kinh nghiệm, nhằm khai thác một cách tốt nhất diện tích rừng hiện có của tỉnh bạn, bảo đảm các yêu cầu về tái sinh rừng và bảo vệ môi trường sinh thái (Rừng quốc gia, bảo vệ động vật quý hiếm...).

**Thứ năm, tăng cường phát triển thương mại, du lịch và dịch vụ.** Các tỉnh của Việt Nam cần chủ trọng phát huy ưu thế của mình trong việc đáp ứng các sản phẩm hàng hóa tiêu dùng, phù hợp với thị hiếu của cư dân các tỉnh trong khu vực TGPT. Các tỉnh trong khu vực cũng khuyến khích phát triển du lịch, cùng phối hợp tổ chức các tour du lịch sinh thái, dã ngoại bằng nhiều hình thức. Bên cạnh sự hấp dẫn của thiên nhiên hùng vĩ, khu vực biên giới ba nước còn là một điểm du lịch văn hóa lịch sử với các nền văn hóa lâu đời của đồng bào các dân tộc, thể hiện qua kiến trúc nhà rông, nhà sàn, nhà mồ, qua lễ hội truyền thống, qua y phục và nhạc cụ... Tuy vậy, trước tiên cần khảo sát, thiết kế tuyến du lịch, kết hợp với các tuyến săn có

trong khu vực biên giới ba nước nhằm tăng thêm thời lượng của các tour bằng sự hấp dẫn của những tuyến du lịch hoàn toàn mới lạ và các dịch vụ được bảo đảm.

**Thứ sáu, hợp tác trong bảo vệ môi trường.** Năm ở hạ lưu sông Mekong, Việt Nam vừa có những lợi thế quan trọng với chín cửa sông đổ ra biển, song cũng phải đối mặt với nhiều vấn đề, mà một trong số đó là vấn đề bảo vệ môi trường, nhất là bảo vệ sự trong sạch của nguồn nước. Trong các hoạt động bảo vệ môi trường, Việt Nam đã tích cực tham gia xây dựng Khuôn khổ chiến lược bảo vệ môi trường trong tiểu vùng GMS; xây dựng hệ thống thông tin và giám sát môi trường; giảm đói nghèo và quản lý môi trường ở các vùng sâu, vùng xa-rừng đầu nguồn; quản lý và bảo vệ đất ngập mặn của hạ lưu sông Mekong và tăng cường thể chế và đào tạo về bảo vệ môi trường.

**Thứ bảy, hợp tác trong các lĩnh vực khác như:** xây dựng Chương trình GMS 2020, nghiên cứu tiền khả thi hình thành các tuyến cáp quang Thái Lan - Lào - Việt Nam (1,2 và 3), tuyến cáp quang Việt Nam - Campuchia, tuyến cáp quang Thái Lan - Campuchia; hợp tác trong các lĩnh vực giao thông đường thuỷ và đường không...

#### Về phương thức hợp tác

Để thúc đẩy nhanh sự phát triển kinh tế, xã hội của TGPT khu vực biên giới ba nước cần phải đa dạng hóa các hình thức hợp tác. Tuỳ vào quy mô, tính chất của từng vấn đề, từng ngành và từng dự án khác nhau cũng như khả năng tài chính của mỗi nước mà có các hình thức hợp tác khác nhau.

**Hợp tác trực tiếp giữa 3 nước có thể có các hình thức sau:**

Hợp tác 3 bên đối với những chương trình và dự án liên quan trực tiếp đến lợi ích của cả 3 nước như bảo vệ môi trường, hợp tác phát triển du lịch, phát triển thuỷ điện...

Hợp tác song phương đối với những chương trình và dự án liên quan

trực tiếp đến lợi ích của 2 nước như xây dựng các tuyến giao thông nối 2 quốc gia, hợp tác trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, hợp tác phát triển khu kinh tế cửa khẩu.

**Hợp tác kêu gọi vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào một số lĩnh vực cần thiết.** Việc thành lập các hành lang kinh tế và nhiều sáng kiến hợp tác khác sẽ tạo điều kiện cho tiết kiệm nhờ quy mô trong sản xuất, phân phối và nâng cao năng lực xuất khẩu. Các sản phẩm nông nghiệp là lĩnh vực có lợi thế tương đối. Sự hỗ trợ về mặt kỹ thuật, marketing, tín dụng và quản lý với sự tham gia của các chính phủ và các doanh nghiệp địa phương sẽ giúp đẩy mạnh đầu tư của TGPT.

Một trong những trở ngại chính đối với các giao dịch buôn bán qua biên giới là việc chưa có một hệ thống thanh toán đáng tin cậy giữa các ngân hàng trong TGPT vì những quy chế ngân hàng khác nhau. Vấn đề này cũng cần phải được xem xét giải quyết để tạo môi trường thuận lợi thu hút vốn đầu tư. TGPT sẽ là một kênh để giao tiếp với các chính phủ và để giải quyết những trở ngại đối với phát triển kinh doanh.

Khu vực tư nhân là động lực tăng trưởng chính đối với TGPT. Những biện pháp nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của khu vực tư nhân gồm có: (i) giảm chi phí sản xuất và phân phối thông qua việc sử dụng/cung ứng dịch vụ CSHT một cách hiệu quả; (ii) nâng cao trình độ kỹ năng của lực lượng lao động; (iii) đào tạo các doanh nhân về quản lý, sản xuất và marketing; (iv) mở rộng hạn mức tín dụng cung cấp vốn hoạt động. Môi trường chính sách đối với các doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân cần được làm cho hài hòa hơn.

Khu vực tư nhân còn có một hướng tham gia khác với tư cách là nguồn tài chính tiềm năng cho các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng cho TGPT. Điều này đặt ra một loạt các vấn đề, bao gồm cả bảo hiểm rủi ro cho đầu tư vào TGPT và chế độ đầu tư của các nước

thuộc TGPT. Trước khi sự tham gia của khu vực tư nhân vào các dự án hạ tầng, có lẽ sẽ cần tới hình thức công - tư kết hợp, trong đó có cả các điều kiện bảo đảm và các cơ chế khác.

Hợp tác kêu gọi vốn tài trợ chính thức của quốc tế (vốn ODA) để thúc đẩy sự phát triển của vùng. Xây dựng TGPT khu vực biên giới 3 nước Việt Nam - Lào - Campuchia đòi hỏi một sự nỗ lực đồng bộ của cả 3 nước để có thể huy động các nguồn lực. Các Chính phủ 3 nước phải đảm bảo rằng những yếu tố mang tính chất quốc gia trong các dự án tiên phong sẽ được hưởng sự ưu tiên của các chương trình đầu tư công cộng của mình, dù vốn cho các dự án đó từ nguồn trong nước hay nguồn trợ giúp phát triển. Các Chính phủ cũng cần phải kịp thời cung cấp vốn đối ứng cho hoạt động hỗ trợ đầu tư và trợ giúp kỹ thuật theo đúng cam kết để biến các mục tiêu và dự án

ưu tiên của Chương trình TGPT thành hiện thực.

Công tác triển khai khuôn khổ chiến lược cho Chương trình TGPT kéo theo nó nhiều nhiệm vụ phức tạp và toàn diện. Ngoài việc thu hút các chính phủ tham gia nhiều hơn vào các cơ chế quản lý và phối hợp xây dựng TGPT, còn cần có sự tham gia rộng rãi hơn của các thành viên tham gia đóng góp - bao gồm cả xã hội dân sự, các NGO, khu vực tư nhân, các nhà khoa học và cộng đồng tài trợ.

Ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia đều là thành viên của ASEAN, nghĩa là vừa có hợp tác, vừa có cạnh tranh trong quan hệ giao lưu phát triển kinh tế. Nhưng nếu nhìn rộng ra và xa hơn trong mối quan hệ tay tư giữa Việt Nam - Lào - Campuchia - Thái Lan, chúng ta thấy từ 4 nước đó xuất hiện 2 tam giác có một đáy chung là Lào và Campuchia

mà hai đỉnh đối diện là Việt Nam và Thái Lan. Nếu như một nước đỉnh nào đó (Việt Nam hoặc Thái Lan) thu hút được 2 nước đáy (Lào và Campuchia) thì nước đó sẽ có những điều kiện thuận lợi hơn trong hợp tác phát triển với các nước láng giềng, thậm chí còn có thể cuốn hút được nước ở đỉnh kia vào sự phát triển đầy hấp dẫn của mình. Chính vì vậy, 5 tỉnh trong tam giác phát triển biên giới của Việt Nam nói riêng và cả nước nói chung càng phải quan tâm và gia tăng hơn nữa trong sự hợp tác toàn diện với các địa phương của các nước láng giềng, xem đây là giải pháp quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên, nó không chỉ tạo nên sức mạnh trong hợp tác kinh tế - bảo vệ môi trường mà còn góp phần vào việc giữ vững an ninh khu vực biên giới 3 nước rất nhạy cảm này.

H.N.P